

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2025/HS-ST**

Ngày 05-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà H Hương Bkrông, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phùng Nam P**; tên gọi khác: không; sinh ngày 17/3/1987 tại tỉnh Bình Bình. Nơi cư trú: Tổ dân phố I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai (nay là xã P, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Tất T và bà Tống Thị M; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: không; Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 21/8/2008, bị Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai) xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2008/HSST; Ngày 22/8/2008, bị Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai) xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2008/HSST. Ngày 08/12/2008, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 - tỉnh Gia Lai) ra Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/2008/QĐ-CA, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 18 tháng tù. Ngày 22/6/2009 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

- Ngày 05/01/2011, bị Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Ninh Bình) xử 18 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 180/2010/HSST. Ngày 19/01/2012 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

- Ngày 29/4/2014, bị Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai (nay

là Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai) xử 03 năm 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2014/HSST. Ngày 19/02/2017 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

- Ngày 07/5/2018, bị Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Gia Lai) xử 04 năm 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HSST. Ngày 30/4/2022 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2024.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trương Cao A**; tên gọi khác: Bờm; sinh ngày 14/8/1998 tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Thành M1 và bà Nguyễn Thị T1 (đều đã chết); bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: không. Tiền án: 02;

- Ngày 23/12/2015, bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 08 năm tù giam về tội Cố ý gây thương tích tại bản án hình sự phúc thẩm số 73/2015/HSPT. Ngày 22/01/2020 được tha tù trước thời hạn có điều kiện, thời gian thử thách là 01 năm 10 tháng 09 ngày. Ngày 30/5/2020 tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, chưa được xóa án tích.

- Ngày 07/9/2020, bị Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đắk Lắk) xử phạt 01 năm 01 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HSST. Tổng hợp hình phạt còn lại Bản án hình sự phúc thẩm số 73/2015/HSPT ngày 23/12/2015 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm 11 tháng 09 ngày tù. Ngày 13/03/2023 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2024.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Cao D, sinh năm 1991. Địa chỉ: Hẻm E T, tổ dân phố G, phường T, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Chị H Plit N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số A N, phường T, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Ánh P1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Hẻm E T, tổ dân phố G, phường T, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Người chứng kiến:

+ Anh Nguyễn Trường P2, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Đắk Lắk (cũ là phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) (vắng mặt).

+ Ông Bùi Minh T2, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số A N, phường B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phùng Nam P và Trương Cao A có mối quan hệ bạn bè và đều sử dụng ma túy, loại Methamphetamine (hay còn gọi là ma túy đá). Thông qua mối quan hệ xã hội An biết một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), sử dụng các số điện thoại 0522002959 và 0328948847 có bán ma túy đá. Ngày 15/9/2024, P đón xe khách đi từ tỉnh Gia Lai đến nhà A, tại tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) để chơi.

Vào khoảng 17 giờ cùng ngày, P sử dụng điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, gắn sim số 0978222330, đăng nhập vào tài khoản mạng xã hội Facebook tên “Phong Eric” của P gọi đến tài khoản mạng xã hội Facebook tên “Trương Cao An” của A thông báo cho A biết P đến nhà A. Lúc này, A cùng bạn gái là chị H Plit N điều khiển xe mô tô biển số 47B2 - 508.91 đi từ thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Q, tỉnh Đắk Lắk) về nhà của gia đình A. Đến khoảng 17 giờ 30 phút, A cùng chị H Plit N về đến nhà. Tại đây, sau khi ăn uống xong, A và P bàn bạc đi mua ma túy đá về để cùng nhau sử dụng. Cả hai thỏa thuận P sẽ là người bỏ tiền ra để mua ma túy, còn A sẽ là người trực tiếp liên hệ với người bán để mua ma túy. Sau đó, A đã sử dụng điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, gắn sim số 0823613813 gọi đến số điện thoại 0522002959 để hỏi mua 01 (một) gói ma túy đá. Một lúc sau, có một người đàn ông sử dụng số điện thoại 0328948847 liên lạc với A, thỏa thuận bán ma túy cho A với số tiền 300.000 đồng và hẹn đến khu vực đầu đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) để mua bán ma túy. Sau đó, P sử dụng tài khoản ngân hàng số 5023205241063 tại Ngân hàng N1, chuyển khoản số tiền 300.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 103880630381 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C của A để mua ma túy. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, P điều khiển xe mô tô biển số 47B2 - 508.91 chở A đi từ nhà của gia đình A đến địa điểm hẹn mua bán ma túy. Khi đến địa điểm đã hẹn thì P dừng xe lại, A xuống xe đi bộ khoảng 5m, rồi đưa số tiền 300.000 đồng cho một người đàn ông, thì được người này hướng dẫn đến lấy gói ma túy đá đang để ở dưới trụ điện cách đó 50m, rồi người này rời đi. P điều khiển xe chở A đi đến gần trụ điện thì A xuống xe đi bộ đến dùng tay trái lấy gói ma túy đá lên, cầm ở tay trái rồi lên xe mô tô cùng P đi tìm nơi sử dụng ma túy. Trên đường đi, A đã cất giấu gói ma túy vừa mua được vào túi quần phía sau, bên trái của P. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi P và A đi đến trước nhà số A T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), thì bị Công an phường T, thành phố B (nay là Công an phường B, tỉnh Đắk Lắk) phát hiện bắt quả tang, thu giữ 01 (một) túi nylon, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể, màu trắng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ:

- 01 (một) túi nylon bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, được niêm phong trong một phong bì có các chữ ký, ghi họ tên: Phùng Nam P, Trương Cao A, Bùi Thọ M2, Nguyễn Trường P2, Vũ Đức A1, Nguyễn Đình T3 và đóng dấu tròn màu đỏ của Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Công an phường B, tỉnh Đắk Lắk).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu: xám, số imei: 865039065704670, gắn sim số 0384746414 và số 0823613813.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu: vàng, số imei: 013968003141564, gắn sim số: 0978222330.

- 01 xe mô tô biển số 47B2 – 508.91, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS B6A1, số khung: RLCUE3210JY252308, số máy: E3X9E597407, màu sơn: đỏ đen, dung tích xi lanh 110.3 cm³.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy tại Bệnh viện Đa khoa thành phố B đối với Phùng Nam P cho kết quả âm tính với chất ma túy; đối với Trương Cao A cho kết quả dương tính với chất ma túy, loại Amphetamine, Methamphetamine.

Tại bản Kết luận giám định số 1520/KL-KTHS ngày 23/9/2024, của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong 01 (một) túi nylon màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: **0,6504** gam. H lại đối tượng gửi giám định gồm: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,6224 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

Tại Kết luận giám định số 1657/KL-KTHS ngày 21/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: 01 xe mô tô gắn biển số 47B2 - 508.91, số máy E3X9E597407 không thay đổi, số khung RLCUE3210JY252308 không thay đổi; biển số 47B2 - 508.91 là biển số thật.

Tại Kết luận giám định số 888/KL-KTHS ngày 03/6/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: 03 tập tin Video được lưu trữ trong đĩa DVD có nội dung bắt giữ, phát hiện vật chứng liên quan đến vụ án, tự khai của Phùng Nam P, Trương Cao A; 03 (ba) video này không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Tại Kết luận giám định số 1179/KL-KTHS ngày 11/7/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Trương Cao A dưới mục “NGƯỜI NHẬN” trên tài liệu cần giám định là biên bản giao, nhận bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố, đề ngày 14/12/2024, người nhận mang tên Trương Cao A so với chữ ký, chữ viết mang tên Trương Cao A trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một người ký và viết ra.

Cáo trạng số 203/CT-VKS-KV1 ngày 04/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk truy tố đối với: Bị cáo Phùng Nam P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Trương Cao A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Phùng Nam P và Trương Cao A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk giữ nguyên nội dung bản cáo trạng, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Phùng Nam P, Trương Cao A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Nam P từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Cao A từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 0,6224 gam ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số 1520/KL-KTHS ngày 23/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk, là tang vật của vụ án nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu: xám, số imei: 865039065704670, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị H Plit N. Chị H Plit N không biết bị cáo A sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại chiếc điện thoại cho chị H Plit N và không xử lý trách nhiệm đối với chị H Plit N.

Đối với: 01 thẻ sim điện thoại số 0823613813 của bị cáo A, là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 thẻ sim điện thoại số 0384746414 của bị cáo A, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo A.

Đối với: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu: vàng, số imei: 013968003141564, gắn sim số: 0978222330 của bị cáo P, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo P nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với: 03 tập tin Video được lưu trữ trong đĩa DVD, là các vật chứng của vụ án nên đề nghị tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với: 01 xe mô tô biển số 47B2 – 508.91, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS B6A1, số khung: RLCUE3210JY252308, số máy: E3X9E597407, màu sơn: đỏ đen, là tài sản của anh Nguyễn Cao D. Anh Dũng cho bị cáo A mượn chiếc xe mô tô để làm phương tiện đi lại và không biết việc bị cáo A, P sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk

Lắc) đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh D nên đề nghị chấp nhận.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 15/9/2024 tại trước số nhà A T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), Phùng Nam P và Trương Cao A đã cất giấu 0,6504 gam ma túy, loại: Methamphetamine. Phùng Nam P và Trương Cao A khai nhận số ma túy trên mua với giá 300.000 đồng, mục đích để sử dụng cho bản thân.

Hành vi của bị cáo Phùng Nam P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Trương Cao A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

.....

c) Heroine, cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.”

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

.....

o) Tái phạm nguy hiểm”.

Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại tới chính sách độc quyền quản lý về ma túy của nhà nước, ảnh hưởng đến an ninh trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng mọi hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đều bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk truy tố đối với bị cáo Phùng Nam P về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trương Cao A về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo Phùng Nam P và Trương Cao A đều có nhân thân xấu.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Phùng Nam P, Trương Cao A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Cao A có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội với tính chất, vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo là ngang nhau. Bị cáo Trương Cao A phạm tội với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm nguy hiểm*”. Do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Trương Cao A cao hơn bị cáo Phùng Nam P là phù hợp.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 0,6224 gam ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số 1520/KL-KTHS ngày 23/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk, là tang vật của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu: xám, số imei: 865039065704670, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị H Plit N. Vào khoảng tháng 2/2024 chị H Plit Niê cho bị cáo A mượn chiếc điện thoại di động trên để sử dụng. Việc bị cáo A sử dụng chiếc điện thoại để thực hiện hành vi phạm tội thì chị H Plit Niê không biết. Do đó trả lại chiếc điện thoại trên cho chị H Plit Niê nhận quản lý, sử dụng và không đề cập xử lý trách nhiệm đối với chị H Plit N là phù hợp.

Đối với: 01 (một) thẻ sim điện thoại số 0823613813, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo A, là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với: 01 (một) thẻ sim điện thoại số 0384746414, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo A, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo A nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu: vàng, số imei: 013968003141564, gắn sim số: 0978222330, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo P, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo P nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án là phù hợp.

Đối với: 03 (ba) tập tin Video được lưu trữ trong đĩa DVD, là các vật chứng của vụ án, nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

Đối với: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 47B2 – 508.91, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS B6A1, số khung: RLCUE3210JY252308, số máy: E3X9E597407, màu sơn: đỏ đen, dung tích xi lanh 110.3 cm³, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Cao D (là anh ruột của bị cáo A). Ngày 15/9/2024, anh D cho bị cáo A mượn chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo A và P sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội thì anh D không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk) đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh D là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng và không đề cập xử lý trách nhiệm đối với anh D là phù hợp.

[5] Các tình tiết khác của vụ án:

Đối với nguồn gốc số ma túy trong vụ án: Bị cáo A khai nhận đã mua của một người đàn ông sử dụng số điện thoại 0328948847 và 052200959, quá trình điều tra đến nay, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa xác minh nhân thân, lai lịch của đối tượng trên nên đã tách hành vi của đối tượng trên ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo A, Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Công an phường B, tỉnh Đắk Lắk) đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình, là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phùng Nam P, Trương Cao A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Nam P **02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt phạm tội quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2024.

2.2. Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Cao A **06 (sáu) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt phạm tội quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk) đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại trả lại cho anh Nguyễn Cao D là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 47B2 – 508.91, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS B6A1, số khung: RLCUE3210JY252308, số máy: E3X9E597407, màu sơn: đỏ đen, dung tích xi lanh 110.3 cm³.

Tịch thu tiêu hủy: 0,6224 gam ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định trong gói niêm phong số 1520/KL-KTHS ngày 23/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đắk Lắk, là tang vật của vụ án.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thẻ sim điện thoại số 0823613813 của bị cáo A, là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Trả lại cho chị H Plit Niê là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu: xám, số imei: 865039065704670.

Trả lại cho bị cáo Trương Cao A là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng: 01 (một) thẻ sim điện thoại số 0384746414.

Trả lại cho bị cáo Phùng Nam P là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu: vàng, số imei 013968003141564, gắn sim số 0978222330, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 03 (ba) tập tin Video được lưu trữ trong đĩa DVD, là các vật chứng của vụ án.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/01/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk) với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Đắk Lắk) và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/8/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk với Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Đắk Lắk).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phùng Nam P và Trương Cao A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- PV 06 - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My

